**Phụ lục II**

**KHUNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN “THỜI GIAN VÀNG”**

(*Kèm theo Công văn số /SGDĐT-GDTrH ngày tháng năm 2021 của Sở GDĐT*)

|  |  |
| --- | --- |
| **TRƯỜNG: THCS LÊ ĐÌNH CHINH**.  **TỔ: TOÁN – TIN – ANH VĂN –ÂM NHẠC – MĨ THUẬT**  Họ và tên giáo viên: **PHAN VĂN SANH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC CỦA GIÁO VIÊN**

**MÔN HỌC/HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC MÔN TOÁN, KHỐI LỚP 6**

*(Năm học 2021 - 2022)*

**PHÂN PHỐI CHƯƠNG TRÌNH**

**HK1:** 13 tuần x 4 tiết = 52 tiết;

**A. PHẦN SỐ VÀ ĐẠI SỐ**

| **Tuần** | **Phân môn** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I (45 tiết)**  *9 tuần đầu x 3 tiết = 27 tiết.*  *9 tuần còn lại x 2 tiết = 18 tiết.* | | | | |
| 1 | Số học | 1 | **Chương I. Tập hợp các số tự nhiên**  *Bài 1.* Tập hợp | - Nhận biết tập hợp và các phần tử của nó.  - Mô tả một tập hợp (cho một tập hợp).  - Sử dụng kí hiệu và cách diễn đạt toán học nhờ tập hợp. |
| Số học | 2 | *Bài 2.* Cách ghi số tự nhiên | - Nhận biết giá trị các chữ số của một số tự nhiên viết trong hệ thập phân.  - Biểu diễn mỗi số tự nhiên thành tổng giá trị các chữ số của nó.  - Đọc và viết số La Mã từ 1 đến 30. |
| Số học | 3 | *Bài 3.* Thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên | - Nhận biết thứ tự trong tập hợp các số tự nhiên.  - So sánh hai số tự nhiên. |
| 2 | Số học | 4 | *Bài 4.* Phép cộng và phép trừ số tự nhiên | - Thực hiện phép cộng và phép trừ số tự nhiên.  - Áp dụng tính chất giao hoán, kết hợp của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép cộng và phép trừ. |
| Số học | 5 - 6 | *Bài 5.* Phép nhân và phép chia số tự nhiên | - Thực hiện phép nhân hai số tự nhiên.  - Thực hiện phép chia hai số tự nhiên (chia hết và chia có dư).  - Áp dụng tính chất của phép nhân và phép chia trong tính toán ( tính nhẩm, tính hợp lí).  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với việc thực hiện phép nhân và phép chia số tự nhiên. |
| 3 | Số học | 7 | Luyện tập chung | - Củng cố kiến thức từ bài 1 đến bài 5, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau. |
| Số học | 8 , 9 | *Bài 6.* Lũy thừa với số mũ tự nhiên | - Thực hiện phép tính nâng lên lũy thừa với số mũ tự nhiên.  - Nhân, chia hai lũy thừa cùng cơ số với số mũ tự nhiên.  - Giải quyết được những vấn đề thực tiễn gắn với thực hiện phép tính lũy thừa với số mũ tự nhiên. |
| 4 | Số học | 10 | *Bài 7*. Thứ tự thực hiện các phép tính | - Nhận biết thứ tự thực hiện các phép tính.  - Tính giá trị của một biểu thức. |
| Số học | 11 | Luyện tập chung | - Củng cố kiến thức và chữa các bài tập của hai bài Lũy thừa với số mũ tự nhiên và Thứ tự thực hiện các phép tính, bổ sung các bài tập có nội dung tổng hợp, liên kết kiến thức nhiều bài học. |
| Số học | 12 | Bài tập cuối chương I | - Củng cố những khái niệm, tính chất quan trọng đã được đề cập trong cả chương.  - Vận dụng các tính chất để giải các bài tập tổng hợp, có thể dùng đồng thời các kiến thức đã học trong các bài học khác nhau. |
| 5 | Số học | 13, 14 | **Chương II. Tính chia hết trong tập hợp các số tự nhiên**  *Bài 8.* Quan hệ chia hết và tính chất | - Nhận biết quan hệ chia hết, khái niệm ước và bội.  - Tìm các ước và bội của một số tự nhiên.  - Nhận biết tính chia hết của một tổng cho một số. |
| Số học | (15-16) | *Bài 9.* Dấu hiệu chia hết **(Tiết 1,2)** | - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không.  - Vận dụng được dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3 để xác định một số đã cho có chia hết cho 2; 5; 9; 3 hay không. |
|  |  |  |  |
| 6 | Số học | (17- 18) | Bài 10. Số nguyên tố | - Nhận biết khái niệm số nguyên tố và hợp số.  - Phân tích một số tự nhiên lớn hơn 1 ra thừa số nguyên tố trong những trường hợp đơn giản. |
|  | Số học | 19 | Luyện tập chung | Củng cố, rèn luyện kĩ năng:  - Tìm các ước và bội.  - Vận dụng tính chất chia hết của một tổng.  - Vận dụng dấu hiệu chia hết cho 2; 5; 9; 3.  - Phân tích một số tự nhiên lớn nhỏ thành tích các thừa số nguyên tố theo sơ đồ cây và sơ đồ cột |
|  | Số học | 20 | Bài 11. Ước chung. Ước chung lớn nhất | - Xác định ước chung, ước chung lớn nhất của hai hoặc ba số tự nhiên đã cho.  - Nhận biết phân số tối giản. |
| 7 | Số học | (21-22) | Bài 12. Bội chung. Bội chung nhỏ nhất (Tiết 1,2) | - Tìm bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hoặc ba số tự nhiên.  - Sử dụng bội chung nhỏ nhất để quy đồng mẫu các phân số và cộng, trừ phân số. |
| Số học | 23 | Luyện tập chung | Củng cố, rèn luyện kĩ năng:  - Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.  - Tìm ƯCLN và BCNN.  - Vận dụng ƯCLN và BCNN trong một số bài toán thức tiễn. |
|  | Số học | 24 | Ôn tập chương II | - Củng cố kiến thức chương 2, tổng hợp có hệ thống về tính chất chia hết trong tập hợp các số tự nhiên, số nguyên tố, hợp số, ước và bội, ước chung và ƯCLN, bội chung và BCNN.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài toán vào giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn. |
| 8 | Số học | 25 | Ôn tập kiểm tra giữa HKI |  |
| 9 | Số học | 26 | **Kiểm tra giữa HKI** |  |
|  | Số học | (27-28) | **Chương III. Số nguyên**  **Bài 13. Tập hợp các số nguyên** | - Nhận biết, đọc và viết số nguyên.  - Nhận biết tập hợp số nguyên.  - Nhận biết ý nghĩa của số nguyên âm trong một số tình huống thực tế.  - Biểu diễn số nguyên trên trục số.  - So sánh hai số nguyên. |
| 10 | Số học | 29 | Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên | - Thực hiện phép cộng  - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hai số nguyên. |
|  | Số học | (30-31) | Bài 14. Phép cộng và phép trừ số nguyên (Tiết 2,3) | - Thực hiện phép cộng, trừ hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép cộng để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép cộng hay trừ hai số nguyên. |
| 11 | Số học | 32 | Bài 15. Qui tắc dấu ngoặc | - Nhận biết và áp dụng quy tắc dấu ngoặc trong tính toán, nhất là để tính nhẩm hay tính hợp lí. |
| Số học | 33 | Luyện tập chung | - Củng cố kiến thức, chữa các bài tập của các bài từ 13 đến 15, lựa chọn các bài tập để luyện tập bổ sung nâng cao kĩ năng giải toán và gắn kết các kiến thức, kĩ năng của các bài học lại với nhau. |
| 12 | Số học | (34 – 35) | *Bài 16.* Phép nhân số nguyên | - Thực hiện phép nhân hai số nguyên.  - Vận dụng các tính chất của phép nhân để tính nhẩm, tính hợp lí.  - Giải toán thực tiễn liên quan đến phép nhân số nguyên. |
|  | Số học | 36 | Bài 17. Phép chia hết. Ước và bội của một số nguyên | - Thực hiện phép chia hết đối với số nguyên.  - Nhận biết quan hệ chia hết trong tập số nguyên.  - Nhận biết, tìm ước và bội của một số nguyên. |
| 13 | Số học | (37-38) | Luyện tập chung **(Tiết 1,2)** | - Nâng cao và kết nối các kiến thức, kĩ năng xung quanh bốn phép tính cộng, trừ, nhân và chia (hết). |
|  |  | 39 | Kiểm tra cuối HKI |  |

**B. PHẦN HÌNH HỌC & ĐO LƯỜNG**

| **Tuần** | **Phân môn** | **Tiết** | **Bài học** | **Yêu cầu cần đạt** |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **HỌC KỲ I (27 tiết)**  *6 tuần đầu x 1 tiết = 6 tiết.*  *6 tuần còn lại x 2 tiết = 12 tiết.* | | | | |
| 1 | Hình học | 1 | **Chương IV. Một số hình phẳng trong thực tiễn**  *Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 1)** | - Nhận dạng các hình trong bài.  - Mô tả một số yếu tố cơ bản của hình tam giác đều, hình vuông, hình lục giác đều.  - Vẽ hình tam giác đều, hình vuông bằng dụng cụ học tập.  - Tạo lập được hình lục giác đều thông qua việc lắp ghép các hình tam giác đều. |
| 2 | Hình học | 2-3 | *Bài 18.* Hình tam giác đều. Hình vuông. Hình lục giác đều **(Tiết 2,3)** |
|  |  |  |  |
| 3 | Hình học | 4 | *Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 1)** | - Mô tả một số yếu tố cơ bản (cạnh, đỉnh, góc) của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang cân.  - Vẽ hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành bằng các dụng cụ học tập. |
| 4 | Hình học | 5-6 | *Bài 19.* Hình chữ nhật. Hình thoi. Hình bình hành. Hình thang cân **(Tiết 2,3)** |
|  |  |  |  |
| 5 | Hình học | 7 | *Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 1)** | - Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn gắn với việc tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình thoi, hình bình hành, hình thang. |
| 6 | Hình học | 8-9 | *Bài 20.* Chu vi và diện tích của một số tứ giác đã học **(Tiết 2,3)** |
| 7 | Hình học | 10,11 | Luyện tập chung( 02 tiết) | - Nắm vững kiến thức về một số tứ giác đã học.  - Nắm vững công thức tính diện tích, chu vi của các tứ giác đã học.  - Vẽ thành thạo tam giác đều, hình vuông, hình chữ nhật.  - Giải quyết một số vấn đề thực tiễn liên quan đến tính chu vi, diện tích của hình chữ nhật, hình bình hành, hình thoi, hình thang. |
| 8 | Hình học | 12,13 | Ôn tập chương IV( 02 tiết) | - Ôn tập, tổng kết đước toàn bộ các bài học trong chương và luyện tập được kĩ năng vẽ hình, tính toán về chu vi, diện tích các tứ giác gần với các bài tập thực tế. |
| 9 |  | 14 | **Kiểm tra giữa HKI** |  |
| 10 | Hình học | (16 – 17) | *Bài 21.* Hình có trục đối xứng | - Nhận biết hình có trục đối xứng.  - Nhận biết trục đối xứng của một hình trên giấy bằng cách gấp đôi tờ giấy.  - Gấp giấy để cắt chữ hoặc một số hình đơn giản |
|  | Hình học | (18 – 19) | *Bài 22.* Hình có tâm đối xứng | - Nhận biết hình có tâm đối xứng.  - Nhận biết tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Gấp giấy để cắt được một số hoa văn trang trí hoặc một số hình có tâm đối xứng đơn giản. |
| 11 | Hình học | 20, 21 | Luyện tập chung (Tiết1, 2) | - Nhắc lại được khái niệm hình có trục đối xứng và hình có tâm đối xứng.  - Tìm được trục đối xứng và tâm đối xứng của một số hình đơn giản.  - Khôi phục được hình có trục đối xứng hoặc tâm đối xứng ( dơn giản) từ một phần cho trước. |
| 12 | Hình học | 25, 26 | Ôn tập kiểm tra cuối HKI (Tiết1, 2) | - Củng cố lại kiến thức toàn chương.  - Vận dụng kiến thức đã học để giải các bài tập, kết hợp các kĩ năng đã thực hành để giải quyết các bài toán cụ thể.  - Linh hoạt với các hoạt động trải nghiệm đơn giản để tạo hứng khởi cho học sinh |
| 13 | Hình học |  | **Kiểm tra cuối HKI** |  |

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TỔ TRƯỞNG**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |  | *Bình dương, ngày 10 tháng 9 năm2021*  **GIÁO VIÊN**  *(Ký và ghi rõ họ tên)* |